

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị định số 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 65/TTr-STC ngày 13/02/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2026.

2. Bãi bỏ Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Yên và Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Hội đồng quản lý, Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk; Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 22/2026/QĐ-UBND
ngày 13/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

b) Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk.

c) Tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP quy định về Quỹ phát triển đất (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất).

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính

1. Tên gọi

a) Tên tiếng Việt: Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk.

b) Tên giao dịch quốc tế: Dak Lak Land Development Fund.

c) Tên giao dịch viết tắt: DLDF.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 13 đường Quang Trung, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động, người đại diện theo pháp luật

1. Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là UBND tỉnh), do UBND tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

4. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ (là Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk), chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.

3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng, khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo quy định tại khoản 8 Điều 13 Điều lệ này; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.

5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

- a) Hội đồng quản lý.
- b) Ban kiểm soát.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Mô hình hoạt động: Ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk theo Quyết định uỷ thác của UBND tỉnh.

Điều 7. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý do UBND tỉnh quyết định thành lập. Hội đồng quản lý có 05 thành viên, gồm Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và các thành viên khác, được cơ cấu thành phần như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là Lãnh đạo UBND tỉnh.
- b) 01 Phó Chủ tịch là Giám đốc Quỹ (là Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk); 01 Phó Chủ tịch là Lãnh đạo Sở Tài chính.
- c) Các thành viên khác là Lãnh đạo thuộc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng.
- d) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý hoạt động kiêm nhiệm.

3. KIỆN TOÀN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

a) Hội đồng quản lý được thay đổi thành viên hoặc kiện toàn khi có thành viên của Hội đồng quản lý thay đổi về chức vụ, chuyển công tác, nghỉ hưu, thôi việc (không thuộc cơ cấu thành phần quy định tại khoản 1 Điều này).

b) Thủ tục thay đổi thành viên, kiện toàn Hội đồng quản lý Quỹ:

Cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ, khi có cán bộ là thành viên Hội đồng quản lý thuộc quy định tại điểm a khoản này có văn bản cử cán bộ khác làm thành viên Hội đồng quản lý, gửi Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ để tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định thay đổi thành viên hoặc kiện toàn Hội đồng quản lý.

Thành viên Hội đồng quản lý vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cho đến khi UBND tỉnh ban hành quyết định thay đổi thành viên hoặc kiện toàn Hội đồng quản lý (trừ trường hợp nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển công tác

sang cơ quan, đơn vị khác).

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý:

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP; Điều lệ này và pháp luật có liên quan; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ này; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; thông qua Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ để trình UBND tỉnh phê duyệt.

đ) Trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

e) Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Trưởng ban Kiểm soát Quỹ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của cấp có thẩm quyền.

g) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm với các chức danh thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

h) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật.

i) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

k) Phê duyệt dự toán thu chi, quyết toán thu chi tài chính năm.

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý được quy định như sau:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

b) Hội đồng quản lý tổ chức họp định kỳ hàng quý để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý tổ chức họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Điều 8. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát giúp UBND tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát có 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Thành viên Ban kiểm soát được cơ cấu là cán bộ, công chức đang công tác tại các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, cụ thể:

Trưởng Ban kiểm soát là Trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính kiêm nhiệm. Trưởng Ban kiểm soát do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Các thành viên khác của Ban kiểm soát là cán bộ, công chức đang công tác tại các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ này, các quy chế, quy trình của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định dự toán thu chi, báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định trước khi trình Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do UBND tỉnh và Hội đồng quản lý giao.

Điều 9. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là Ban điều hành Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk (Quỹ nhận ủy thác), gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc (các phòng chuyên môn nghiệp vụ), cụ thể:

a) Giám đốc Quỹ là Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

b) Phó Giám đốc Quỹ là các Phó Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk. Các Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc trong việc điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Kế toán trưởng Quỹ là Kế toán trưởng của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk.

d) Các phòng nghiệp vụ của Quỹ là các phòng nghiệp vụ Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk, có nhiệm vụ tham mưu, giúp Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc tổ chức thực hiện chức năng nhiệm vụ của Quỹ.

2. Tiêu chuẩn đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng: là những cá nhân đang giữ chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk và các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh và quy định pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế, quy trình liên quan tới hoạt động của Quỹ theo yêu cầu quản lý.

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn của Quỹ để báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua trình UBND tỉnh phê duyệt.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

đ) Báo cáo xin ý kiến thống nhất của Hội đồng quản lý Quỹ để báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định dừng việc ứng vốn, thu hồi vốn ứng đối với các Chủ đầu tư sử dụng vốn sai quy định và chậm hoàn trả vốn ứng theo quy định. Kiểm tra, xem xét đề nghị gia hạn thời hạn hoàn trả vốn ứng của tổ chức được ứng vốn để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và các quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

4. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này, pháp luật có liên quan và Quyết định ủy thác của UBND tỉnh; không được sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ vào các mục đích khác; Quỹ thực hiện hạch toán và theo dõi toàn bộ vốn hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP), Điều lệ này; không thực hiện chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ sang Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 10. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Quỹ được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan. Quỹ được sử dụng nguồn vốn điều lệ tạm thời nhàn rỗi đang gửi tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước, để gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn, bảo đảm an toàn, hiệu quả và không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 11. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật về đất đai để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

Điều 12. Kế hoạch ứng vốn

1. Thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn

a) UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng vốn hàng năm từ Quỹ.

b) UBND tỉnh có trách nhiệm rà soát đề xuất ứng vốn trước khi phê duyệt để đảm bảo Kế hoạch ứng vốn được cân đối phù hợp.

2. Điều kiện đăng ký Kế hoạch ứng vốn

a) Có văn bản đăng ký Kế hoạch ứng vốn để thực hiện dự án, nhiệm vụ của tổ chức được ứng vốn.

b) Dự án, nhiệm vụ và tổ chức được ứng vốn phù hợp theo quy định.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc giao thực hiện.

3. Quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn

a) Đăng ký nhu cầu ứng vốn:

Định kỳ, tháng 10 hàng năm, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có văn bản gửi các Tổ chức được ứng vốn quy định tại Điều 11 Điều lệ này, đăng ký nhu cầu ứng vốn Quỹ cho năm sau.

b) Tổng hợp nhu cầu ứng vốn

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổng hợp kết quả đăng ký Kế hoạch ứng vốn của tổ chức được ứng vốn trước ngày 31/12 hàng năm. Trong quá trình tổng hợp, rà soát nhu cầu ứng vốn, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phối hợp với Ban kiểm soát Quỹ và các Sở, ngành có liên quan, xem xét, đánh giá hồ sơ, kiểm tra thực tế dự án (nếu cần). Cụ thể như sau:

Đối với dự án, nhiệm vụ đăng ký ứng vốn mới: đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

Đối với những dự án, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch ứng vốn năm trước nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định ứng vốn và có nhu cầu chuyển tiếp, tổ chức được ứng vốn phải có báo cáo giải trình nguyên nhân chưa thực hiện và đề nghị chuyển tiếp để Quỹ tổng hợp.

c) Trên cơ sở nguồn vốn hiện có, dự kiến kết quả thu hồi vốn ứng trong năm và các nguồn thu khác, Quỹ cân đối nguồn vốn để thực hiện ứng vốn cho năm sau. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổng hợp Kế hoạch ứng vốn theo nguyên tắc: Chỉ ghi tổng nguồn ứng vốn, danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng vốn, không ghi mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án, nhiệm vụ. Mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án, nhiệm vụ ứng vốn do cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

d) Lập danh mục các dự án, nhiệm vụ đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng vốn

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổng hợp danh mục các dự án, nhiệm vụ, đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng vốn năm sau, gửi Ban kiểm soát và Hội đồng quản lý Quỹ cho ý kiến góp ý.

Trên cơ sở ý kiến góp ý, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổng hợp, hoàn thiện, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh phê duyệt.

đ) Căn cứ Kế hoạch ứng vốn đã được phê duyệt, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gửi thông báo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan biết và triển khai thực hiện.

e) Trường hợp trong năm có phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn và phù hợp với quy định từ Quỹ thì việc lập Kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều này.

Điều 13. Điều kiện, thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Điều kiện ứng vốn

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

2. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

a) Mức ứng vốn dưới 20 tỷ đồng cho một dự án, nhiệm vụ do Giám đốc Quỹ quyết định.

b) Mức ứng vốn từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng cho một dự án, nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Mức ứng vốn từ 50 tỷ đồng trở lên cho một dự án, nhiệm vụ, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Cơ quan, người có thẩm quyền trước khi phê duyệt quyết định ứng vốn từ Quỹ có trách nhiệm rà soát điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều này đảm bảo phù hợp và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt số tiền ứng vốn từ Quỹ.

3. Căn cứ Kế hoạch ứng vốn đã được UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

Quyết định ứng vốn bao gồm chủ yếu các nội dung sau: tên dự án, nhiệm vụ ứng vốn; tên đơn vị ứng vốn; số tiền ứng vốn; mục đích sử dụng vốn ứng; thời hạn ứng vốn; chi phí quản lý vốn ứng; nguồn và thời hạn hoàn trả vốn ứng.

5. Căn cứ quyết định ứng vốn của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị giải ngân, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ gồm:

Hồ sơ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này;

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị giải ngân vốn ứng;

Hồ sơ, chứng từ pháp lý các chi phí, hạng mục đề giải ngân: 01 bản gốc/bản sao.

Quỹ kiểm soát hồ sơ và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

6. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu bổ sung có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

7. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 11 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 11 Điều lệ này để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Quyết định ứng vốn của dự án, nhiệm vụ.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng và thực hiện hoàn trả cho Quỹ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

8. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định. Trường hợp dự án, nhiệm vụ không đủ nguồn hoàn trả

(vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng) thì Quỹ có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét để hoàn trả vốn ứng theo quy định.

Điều 14. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

2. Mức chi phí quản lý vốn ứng được xác định theo mức tại thời điểm ban hành Quyết định ứng vốn lần đầu của từng dự án, từng nhiệm vụ, cố định trong cả quá trình ứng vốn và không tính theo thời gian ứng vốn.

3. Công thức xác định chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ như sau:

$$\text{Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ} = \frac{\text{Tổng số tiền ứng vốn thực tế của từng dự án, từng nhiệm vụ (trên cơ sở Quyết định ứng vốn của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 13 Điều lệ này)}}{\text{Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này}} \times$$

4. Việc chi trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ bố trí vốn đầu tư của từng dự án, từng nhiệm vụ.

5. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 15. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

1. Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Điều lệ này lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 13 Điều lệ này: 01 bản sao;

Quyết định giao kế hoạch vốn hàng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền được giao làm chủ đầu tư dự án: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Điều lệ này báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

Điều 16. Gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng

1. Trường hợp đến thời hạn hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng theo Quyết định ứng vốn đã được phê duyệt, tổ chức được ứng vốn chưa có nguồn hoàn trả vốn ứng, có nhu cầu gia hạn thêm thời gian hoàn trả vốn ứng. Tổ chức được ứng vốn phải có văn bản đề nghị gửi đến Quỹ, trong đó báo cáo chi tiết nguyên nhân chậm trả. Quỹ kiểm tra, xem xét đề nghị gia hạn của tổ chức được ứng vốn để quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo thẩm quyền quyết định ứng vốn quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

2. Các trường hợp được xem xét gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng: Do điều chỉnh quy hoạch; vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; các nguyên nhân khách quan khác ảnh hưởng tiến độ thực hiện dự án, nhiệm vụ, tiến độ bán đấu giá; hoặc ngân sách nhà nước chưa bố trí được nguồn hoàn trả dẫn đến việc chậm hoàn trả vốn ứng; hoặc các trường hợp khác do cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 17. Xử lý vi phạm trong sử dụng, hoàn trả vốn ứng

1. Tổ chức được ứng vốn nếu bị phát hiện sử dụng vốn ứng không đúng mục đích theo quy định của pháp luật thì Quỹ dừng việc ứng vốn cho tổ chức ứng vốn đó và báo cáo UBND tỉnh xem xét, thu hồi vốn ứng trước hạn.

2. Tổ chức được ứng vốn hoàn trả vốn ứng không đúng hạn mà không được cấp có thẩm quyền gia hạn thì Quỹ báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định pháp luật.

Chương IV CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, QUẢN LÝ TÀI SẢN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, người lao động) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ được quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ này, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Điều 19. Các khoản thu, chi của Quỹ

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phí ủy thác quản lý Quỹ quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản chi khác trực tiếp phục vụ cho hoạt động của Quỹ được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

3. Mức chi phí ủy thác quản lý Quỹ bằng 50% các khoản thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

5. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

6. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho UBND tỉnh và Sở Tài chính.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 21. Giải thể Quỹ

Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 23, 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và pháp luật khác có liên quan.

Chương V MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 22. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ trong điều hành quản lý hoạt động của Quỹ

1. Hội đồng quản lý là cơ quan trực tiếp lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Quỹ, thực hiện quyền và trách nhiệm của mình thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định, quy chế hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về toàn bộ hoạt động của Quỹ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Giám đốc Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý, tham mưu cho Hội đồng quản lý chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của Hội đồng quản lý.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hằng ngày của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập, thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra tính hợp pháp, trung thực trong hoạt động Quỹ. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu và báo cáo Hội đồng quản lý, UBND tỉnh về kết quả giám sát. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tạo điều kiện và cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu cho hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 23. Mối quan hệ giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan

1. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh

Quỹ chịu sự giám sát về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động của Quỹ theo quy định. Quỹ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ theo yêu cầu.

2. Đối với UBND tỉnh

a) Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Quỹ. Thường xuyên nắm chắc tình hình của tổ chức được ứng vốn để kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện tốt

nhất nhiệm vụ được giao đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

3. Đối với các sở, ban, ngành có liên quan

a) Phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, phục vụ sự phát triển chung của tỉnh.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan, đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của một số cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 24. Môi quan hệ giữa Quỹ với tổ chức được ứng vốn

1. Quỹ thực hiện công khai, minh bạch các quy định, chính sách, Kế hoạch ứng vốn để các tổ chức nắm bắt và tiếp cận; ứng vốn kịp thời, đúng đối tượng, đủ điều kiện theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn ứng, đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm.

2. Tổ chức được ứng vốn phải cung cấp hồ sơ, tài liệu đầy đủ, trung thực và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị ứng vốn; cam kết sử dụng vốn đúng mục đích, đúng dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt; hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng đầy đủ, đúng hạn theo phương án đã được phê duyệt và quy định tại Điều lệ này.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Xử lý chuyển tiếp

Trường hợp Quỹ đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thi hành còn đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành; trường hợp trong quyết định ứng vốn đã ký, tổ chức được ứng vốn đã sắp xếp lại do thay đổi mô hình chính quyền 02 cấp, nhưng dự án, nhiệm vụ có nhu cầu tiếp tục giải ngân vốn ứng sau ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, thì thực hiện điều chỉnh đối tượng ứng vốn theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được xử lý như sau:

1. Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn

ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Điều lệ này hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

2. Đối với trường hợp còn lại (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Quỹ tổ chức triển khai Điều lệ này, trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Quỹ tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý tài chính đối với Quỹ theo quy định pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn Quỹ thực hiện thủ tục liên quan đến tổ chức bộ máy; công tác cán bộ, lao động, tiền lương theo chức năng nhiệm vụ được phân công, trình cấp thẩm quyền xem xét quyết định. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Các nội dung liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm trục lợi; tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cố ý làm trái gây thất thoát tiền và tài sản của Nhà nước trong hoạt động của Quỹ thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.